

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

*Đà Lạt, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

Số: 316/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ **việc dân sự** thụ lý số 477/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

*Một bên là:* Anh **Bùi T. A**, sinh năm: 1989

*Địa chỉ:* Số 21/4 đường A, phường B, thành phố Đà Lạt.

*Và một bên là:* Chị **Bùi Th. M**, sinh năm: 1990

*Địa chỉ liên hệ:* Khu tập thể tiểu học, xã B, huyện Đức Trọng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***[1] Về quan hệ hôn nhân:***

Anh Bùi T. A và chị Bùi Th. M trải qua thời gian thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau mới quyết định kết tiến đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/4/2018. Hôn nhân của hai bên đều hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và có tổ chức lễ cưới. Như vậy, hôn nhân giữa anh Bùi T. A và chị Bùi Th. M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn do điều kiện công tác nên vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh T. A thì sống với bố mẹ tại Số 21/4 đường A, phường B, thành phố Đà Lạt còn chị M thì sống tại Khu tập thể tiểu học, xã B, huyện Đức Trọng. Trong hôn nhân giữa vợ chồng có nhiều quan điểm sống cách biệt, mỗi người sống một

nơi, thời gian đầu thì vợ chồng thường xuyên đi lại thăm hỏi động viên nhau nhưng trong một năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên việc liên lạc giữa vợ chồng ít dần và gặp nhau cũng chỉ vì con. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi T. A và chị Bùi Th. M.

**[2] Về con chung:**

Vợ chồng có 01 con chung là Bùi A. Nh, sinh ngày: 27/02/2018. Hiện tại con đang sống cùng chị Bùi Th. M tại Khu tập thể tiểu học, xã B, huyện Đức Trọng.

Khi ly hôn, anh chị cùng thống nhất giao con chung cho chị Bùi Th. M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Bùi T. A cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022.

**[3] Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về nợ chung:** Không có.

**[5] Về án phí, lệ phí Tòa án:** chị Bùi Th. M thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Bùi T. A và chị Bùi Th. M thỏa thuận thuận tình ly hôn

- *Về con chung:*

Vợ chồng có 01 con chung là Bùi A. Nh, sinh ngày: 27/02/2018.

Khi ly hôn, anh chị cùng thống nhất giao con chung cho chị Bùi Th. M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Bùi T. A cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000đ/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022.

*Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.*

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình*

**2. Về án phí, lệ phí Tòa án:**

- Chị Bùi Th. M thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số [0002061](#) ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị Bùi Th. M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Căn cứ biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số [0002060](#) ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, hoàn trả anh Bùi T. A số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí hôn nhân gia đình đã tạm nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND [phường 6, thành phố Đà Lạt](#);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đặng Thị Thới**